

**ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG
GIÁO DỤC MỞ TẠI VIỆT NAM
PROPOSED SOLUTIONS TO DEVELOP THE SYSTEM
EDUCATION OPEN IN VIETNAM**

Th.s. Phạm Thị Phương

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

Viện: Quản lý - kinh doanh

p.phuongdhtg@yahoo.com.vn

Tel: 0913.770366

TÓM TẮT

Đối với các quốc gia đổi mới hay cải cách giáo dục luôn là yêu cầu thường xuyên, bức thiết nếu không muốn bị tụt hậu trong cuộc chạy đua phát triển diễn ra ngày càng gay gắt. Bởi thực tế lịch sử đã chứng minh một quy luật là không có một sự tiến bộ và thành đạt của một quốc gia nào mà lại tách rời ra khỏi sự tiến bộ và thành đạt của quốc gia đó trong lĩnh vực giáo dục. Đặc biệt trong thời kỳ nền kinh tế thị trường thì yêu cầu đổi mới, cải cách và nâng cao chất lượng giáo dục ngày càng trở nên bức thiết. Đối với Việt Nam, vấn đề về đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Giáo dục nước ta có vai trò quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh chính trị của đất nước. Chính vì vậy, việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, chính sách thúc đẩy tài nguyên giáo dục mở đại học Việt Nam được đặt ra như một yêu cầu cấp thiết.

Từ khóa: Giáo dục mở

ABSTRACT

For countries that innovate or reform education is a constant requirement, it is inconceivable if one does not want to be left behind in the increasingly intense development race. The fact that history has proved a rule is that there is no progress and success of any country but a departure from its progress and success in

the field of education. Especially in the period of market economy, the demand for innovation, reform and improving the quality of education has become increasingly urgent. For Vietnam, the issue of fundamental and comprehensive reform of education and training, meeting the requirements of industrialization and modernization in the context of socialist-oriented market economy and integration international. Education of our country plays an important role in raising the people's intellectual level, training human resources, fostering talents for the country, contributing significantly to the socio-economic development, maintaining the political security of the nation. Therefore, studying and proposing solutions and policies to promote higher education resources in Vietnam is set as an urgent requirement.

Keywords: open education

1. GIỚI THIỆU

Giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ để theo kịp sự phát triển và những yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Những thành tựu của công nghệ thông tin và truyền thông ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo đã góp phần quan trọng trong việc tạo ra những cơ hội học tập và nghiên cứu, giúp nâng tầm tri thức cho cộng đồng. Trong bất kỳ một môi trường giáo dục nào, nguồn tư liệu phục vụ hoạt động học tập, nghiên cứu luôn đóng vai trò quan trọng. Riêng với giáo dục đại học, điều này càng có ý nghĩa hơn khi sự đòi hỏi về hàm lượng tri thức cần tiếp thu, lĩnh hội ngày càng cao. Phát triển nguồn học liệu phục vụ công tác đào tạo trong trường đại học là yêu cầu cấp thiết đặt ra với bất kỳ trường đại học nào. Có thể khẳng định rằng học liệu ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu trong trường đại học cũng như có mối quan hệ chặt chẽ với giảng viên, sinh viên. Học liệu đảm bảo cung cấp thông tin/tri thức cho giảng viên, sinh viên một cách đầy đủ, cập nhật, chính xác, phù hợp với nhu cầu của họ để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và học tập. Vì

vậy, học liệu phải không ngừng được bổ sung, phát triển cả về lượng và chất. Phải không ngừng quản trị học liệu theo phương pháp hiện đại, nhất là ứng dụng những thành tựu của công nghệ thông tin và truyền thông để giảng viên và sinh viên tiếp cận nguồn học liệu nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu nghiên cứu:

Mục tiêu chung:

Đề xuất chính sách thúc đẩy tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục Đại học ở Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể:

- Xác định được cách thức tiếp cận hệ thống giáo dục mở tại Việt Nam;
- Xác định các phương pháp công cụ xây dựng chiến lược;
- Đề xuất các giải pháp phát triển hệ thống giáo dục mở tại Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích thông tin và phương pháp thu thập thông tin thứ cấp, Phương pháp lấy ý kiến của các chuyên gia.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1 KHÁI QUÁT VỀ HỌC LIỆU MỞ VÀ TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ

2.3.1.1. Học liệu mở

Xuất phát điểm của khái niệm này được ra đời tại Mỹ, tại Viện Công nghệ Massachusetts (Massachusetts Institute of Technology - MIT). Năm 2001, MIT khởi xướng và đưa ra một thuật ngữ mới mang tính lịch sử đối với giáo dục thế giới: “Học liệu mở” (Open Courseware - OCW). Đây thực chất là một Dự án về Học liệu mở của MIT với mục tiêu đưa toàn bộ nội dung giảng dạy lên web, trên cơ sở đó cho phép người dùng ở khắp mọi nơi trên

thế giới có thể sử dụng Internet để truy cập và sử dụng miễn phí. Sau đó một năm (2012), MIT đã cho ra đời một website chạy thử nghiệm đầu tiên gồm 50 môn học. Năm 2007, MIT đã cập nhật vào kho học liệu mở của mình phần lớn chương trình đào tạo với hơn 1.800 môn học (courses) ở 33 chuyên ngành. Những năm sau đó, nhóm thực hiện dự án học liệu mở đã tiếp tục cập nhật và đưa lên website những khóa học hiện hành cũng như các nội dung và dịch vụ mới. Như vậy có thể thấy ngay từ ban đầu MIT đã muốn nhấn mạnh tính “mở” và “hoàn toàn miễn phí” trong toàn bộ kho giáo trình bài giảng các môn học của mình. Nguồn tài liệu này có thể sử dụng rộng rãi, được duy trì thường xuyên cùng với những hoạt động của MIT và hoàn toàn không bị giới hạn bởi không gian và thời gian. Học liệu mở bao gồm:

- Các tài liệu về kế hoạch học tập: đề cương môn học, lịch học...
- Nội dung môn học: tập bài giảng, danh sách tài liệu cần đọc...
- Các hoạt động học tập khác: bài tập về nhà, bài luận, bài

thi, bài thí nghiệm...

(VOER, 2015)

2.3.1.2. Tài nguyên giáo dục mở

Theo UNESCO: Tài nguyên giáo dục mở là bất cứ tài liệu giáo dục nào nằm trong khu vực công hoặc được phát hành với một giấy phép mở. Bất cứ người nào cũng có quyền sao chép, sử dụng, sửa đổi và chia sẻ các tài liệu này. Tài nguyên giáo dục mở có thể bao gồm từ sách giáo khoa đến giáo trình, các khung chương trình đào tạo, đề cương môn học, bài giảng, bài luận, các bài kiểm tra, các dự án, các đoạn âm thanh, hình ảnh (audio, video) và hình ảnh động (UNESCO, 2015).

Tài nguyên giáo dục mở bao gồm:

- Nội dung học: các khóa học đầy đủ, các tài liệu học tập, các module nội dung, các đối tượng học tập, tuyển tập, tạp chí
- Công cụ: phần mềm hỗ trợ việc tạo lập, phân phối, sử dụng và cải thiện nội dung mở, bao gồm cả việc tìm kiếm và tổ chức nội dung, các hệ thống quản lý nội dung và quá trình học tập, các công cụ phát triển nội dung, và các cộng đồng học tập trực tuyến
- Các tài nguyên bổ sung khác: các giấy phép sở hữu trí tuệ để thúc

đẩy xuất bản các tài liệu mở, các nguyên tắc thiết kế, và việc bản địa hóa nội dung.

2.3.2. VAI TRÒ CỦA NGUỒN HỌC LIỆU ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Trong bất kỳ một môi trường giáo dục nào, nguồn tư liệu phục vụ hoạt động học tập, nghiên cứu luôn đóng vai trò quan trọng. Riêng với giáo dục đại học, điều này càng có ý nghĩa hơn khi sự đòi hỏi về hàm lượng tri thức cần tiếp thu, lĩnh hội ngày càng cao. Phát triển nguồn học liệu phục vụ công tác đào tạo trong trường đại học là yêu cầu cấp thiết đặt ra với bất kỳ trường đại học nào. Có thể khẳng định rằng học liệu ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu trong trường đại học cũng như có mối quan hệ chặt chẽ với giảng viên, sinh viên.

Nghiên cứu, giảng dạy và học tập là ba hoạt động chính của một trường đại học, cùng với đó là ba đối tượng quan trọng là giảng viên, sinh viên và học liệu. Các hoạt động của cả ba đối tượng này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Mối quan hệ giữa học liệu với giảng viên và sinh viên

Giảng viên không chỉ là người đóng vai trò giảng dạy, truyền đạt kiến thức mà họ còn thường xuyên bổ sung, cập nhật những tri thức mới thông qua hoạt động tự học, tự nghiên cứu. Để hoạt động giảng dạy tốt hơn, họ thường xuyên phải nghiên cứu, tích lũy kiến thức chuyên môn. Có thể thấy cả ba hoạt động trong trường đại học là nghiên cứu, giảng dạy, học tập đều là nhiệm vụ thường xuyên của giảng viên. Như vậy, một trong những kho tàng tri thức khổng lồ để họ học, khai thác tri thức mới chính là kho học liệu. Tiến trình chuyên giao, truyền đạt tri thức và khai phá tri thức của giảng viên và sinh viên cần có sự đóng góp quan trọng của nguồn học liệu. Sinh viên có nhiệm vụ học tập tốt. Muốn vậy, bên cạnh việc tiếp nhận tri

thức từ giảng viên, sinh viên còn cần đọc tài liệu để tự học, tự nghiên cứu. Như vậy, một trong kho tàng tri thức khổng lồ để sinh viên tự học, tự nghiên cứu, khai thác tri thức mới chính là kho học liệu. Học liệu đảm bảo cung cấp thông tin/tri thức cho giảng viên, sinh viên một cách đầy đủ, cập nhật, chính xác, phù hợp với nhu cầu của họ để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và học tập. Vì vậy, học liệu phải không ngừng được bổ sung, phát triển cả về lượng và chất. Phải không ngừng quản trị học liệu theo phương pháp hiện đại, nhất là ứng dụng những thành tựu của công nghệ thông tin và truyền thông để giảng viên và sinh viên tiếp cận nguồn học liệu nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

3. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Hiện nay có khuynh hướng đề cao khái niệm “đại học quốc tế chất lượng cao”, cơ bản xây dựng đại học tốt là điều kiện “cần có”, nhưng điều kiện “đủ” là chúng ta phải có bản thân sinh viên là những hạt giống tốt, nhân tố tốt. Rõ ràng lâu nay giáo dục Việt Nam cũng chỉ lo đào tạo số lượng sinh viên đầu ra mà quên đi vấn đề quan trọng là thế hệ thanh niên thật sự đóng góp như thế nào vào sự nghiệp phát triển đất nước. Đất nước đang trong giai đoạn công nghiệp hóa – hiện đại hóa mà sinh viên không chịu học kỹ thuật, chỉ tập trung không cân bằng vào các ngành dễ được xã hội “chấp nhận” thì làm sao phát triển công nghiệp, làm sao hiện đại hoá đất nước? Việt Nam muốn phát triển nền khoa học kỹ thuật thì phải đào tạo khoa học kỹ thuật trên bình diện rộng.

– Nền giáo dục chúng ta có thể xem như đang mắc bệnh mà không chữa trị, đua nhau nhồi nhét học thuộc lòng theo sách vở để có điểm cao mà sách chưa chuẩn, năm nào thi cử cũng gian lận, đề thi sai, trẻ con thì bị bỏ mặc lang thang trên đường phố, ma túy trong học đường, ý thức công dân rất kém. Càng nói càng thấy nguy cơ, nhưng không thấy xã hội thật sự quan ngại vì bao nhiêu năm rồi chưa thấy biện pháp giải quyết, chỉ nghe được những hứa hẹn cải cách. Giáo dục Việt Nam muốn phát triển phải giải phẫu đúng bệnh. Bệnh chần

đoán đúng nhưng không chịu giải phẫu làm sao chữa trị? Thực tế, các cơ quan chức năng đều nhận thấy hết căn bệnh giáo dục nước nhà. Trong các cuộc hội thảo, hầu như mỗi vấn đề đều đã được phân tích, đã chỉ ra cái đúng cái sai nhưng điều lạ lùng là nó không được đúc kết để đưa vào thực hiện thực tế. Tình trạng “nói” nhưng không “làm” là căn bệnh nan giải nhất của hầu hết nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội chứ không phải của riêng ngành giáo dục Việt Nam.

Trong những thập kỷ qua, nền giáo dục Việt Nam có những bước phát triển, có những thành tựu đáng ghi nhận, góp phần quan trọng vào nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực cho công cuộc xây dựng, bảo vệ và đổi mới đất nước. Nhưng đồng thời nền giáo dục đang ẩn chứa rất nhiều yếu kém, bất cập:

– Giáo dục-đào tạo còn nhiều hạn chế, yếu kém, bất cập chậm được khắc phục; chất lượng giáo dục còn thấp, quan tâm đến phát triển số lượng nhiều hơn chất lượng; so với yêu cầu phát triển của đất nước còn nhiều nội dung chưa đạt; chưa thực sự là quốc sách hàng đầu.

– Nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục còn lạc hậu, chậm đổi mới, chậm hiện đại hóa, chưa gắn chặt với đời sống xã hội và lao động nghề nghiệp; chưa phát huy tính sáng tạo, năng lực thực hành của học sinh, sinh viên.

– Chất lượng giáo dục có mặt bị buông lỏng, giảm sút, nhất là giáo dục đạo đức, lối sống; giáo dục mới quan tâm nhiều đến dạy “chữ”, còn dạy “người” và dạy “nghề” vẫn yếu kém; yếu về giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, lịch sử dân tộc, tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành, kỹ năng sống...

– Hệ thống giáo dục quốc dân không hợp lý, thiếu đồng bộ, chưa liên thông, mất cân đối.

– Quản lý nhà nước trong giáo dục còn nhiều yếu kém, bất cập, chậm đổi mới, là nguyên nhân chủ yếu của nhiều nguyên nhân khác; cơ chế quản lý giáo dục chậm đổi mới, còn nhiều lúng túng, nhận thức rất khác nhau, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; chưa theo kịp sự đổi mới trên các lĩnh vực khác của đất nước.

– Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên còn nhiều bất cập, đạo đức và năng lực của một bộ phận còn thấp.

– Chưa nhận thức đầy đủ, đúng đắn về công tác xã hội hóa giáo dục; định hướng liên kết với nước ngoài trong phát triển giáo dục còn nhiều lúng túng, chưa xác định rõ phương châm.

– Tư duy giáo dục chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới-phát triển đất nước trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; khoa học giáo dục chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng nghiên cứu khoa học giáo dục còn nhiều bất cập.

– Các cơ quan chức năng cụ thể hóa những quan điểm của Đảng thành cơ chế, chính sách của Nhà nước; thiếu nhạy bén trong công tác tham mưu, thiếu những quyết sách đồng bộ và hợp lý ở tầm vĩ mô (có khi chính sách được ban hành rồi nhưng chỉ đạo tổ chức thực hiện không đến nơi đến chốn, kém hiệu quả); một số chính sách về giáo dục còn chủ quan, duy ý chí, xa thực tế, thiếu sự đồng thuận của xã hội.

Những vấn đề, những yếu kém và bất cập nêu trên của giáo dục không thể giải quyết khắc phục được căn bản chỉ bằng các giải pháp cục bộ, đơn lẻ, bề mặt nhất thời, thiếu chiến lược và tầm nhìn dài hạn, thiếu tính đồng bộ và hệ thống, chưa đạt tới chiều sâu bản chất của vấn đề. Để giải quyết được căn bản những vấn đề đặt ra, những người lãnh đạo – quản lý, những nhà khoa học, những người làm giáo dục phải có cách nhìn toàn diện, đầy đủ, khách quan, như các văn kiện của Đảng đã nêu, sâu hơn, bản chất hơn những gì nêu trên báo chí và những báo cáo tổng kết thành tích.

4. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ TỪ GÓC ĐỘ CÁC THƯ VIỆN ĐẠI HỌC

- Cập nhật và nắm vững kiến thức về các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ, bản quyền

Cán bộ thư viện cần chủ động tìm hiểu những nội dung như luật về quyền tác giả, các loại giấy phép sử dụng trong tài nguyên giáo dục mở... Điều quan trọng là phải hiểu rõ các quyền và điều kiện liên quan đến các sản phẩm được tạo ra trong quá trình làm việc và những sản

phẩm đó được chia sẻ và sử dụng bởi người khác như thế nào (UNESCO, 2012). Trên cơ sở đó, cần phổ biến cho các đối tượng tham gia xây dựng học liệu mở nắm được các vấn đề về chính sách pháp lý, đặc biệt là vấn đề quyền sở hữu trí tuệ trong chia sẻ thông tin các tài nguyên trực tuyến. Nắm vững được khía cạnh pháp lý sẽ giúp cho việc triển khai phát triển tài nguyên giáo dục mở tránh được những vấn đề phức tạp liên quan đến quyền tác giả sau này, từ đó giúp duy trì và đảm bảo nguồn học liệu mở được lưu trữ và khai thác một cách bền vững, thường xuyên và liên tục.

- *Vấn đề kiểm soát nội dung thông tin*

Do tính chất đặc thù của tài nguyên giáo dục mở, việc xuất bản các tài liệu này là tương đối dễ dàng, không phải thông qua các khâu biên tập, xem xét, kiểm duyệt cả về hình thức lẫn nội dung như việc in ấn, xuất bản các tài liệu ở dạng truyền thống. Chính đặc điểm này đòi hỏi cần có biện pháp để kiểm soát thông tin nhằm đảm bảo chất lượng của nguồn học liệu. Việc kiểm soát các lỗi về hình thức và văn phong (lỗi chính tả, sai ngữ pháp...) cho đến các vấn đề về nội dung (tính chính trị tư tưởng, tính khoa học, tính cập nhật...) là yêu cầu đặt ra đối với việc quản lý nguồn tài nguyên giáo dục mở. Điều này bao gồm việc thiết lập và duy trì một quy trình nội bộ nghiêm túc, chặt chẽ, nghiêm ngặt để thẩm định các tài liệu giáo dục của các trường đại học trước khi xuất bản như là học liệu mở.

- *Thư viện cần có nhận thức mới về công tác phát triển vốn tài liệu*

Phát triển vốn tài liệu (collection development) là một trong những hoạt động quan trọng trong công tác nghiệp vụ của ngành thông tin-thư viện. Bất kỳ một thư viện nào cũng mong muốn được sở hữu những bộ sưu tập tài liệu lớn, có giá trị, trên cơ sở đó triển khai các sản phẩm và dịch vụ thông tin của mình nhằm đáp ứng nhu cầu của người dùng tin, góp phần khẳng định vị thế, tầm vóc của

thư viện trong xã hội.

Để xây dựng được vốn tài liệu đa dạng, phong phú, thông thường các thư viện có hai phương thức để bổ sung: trả tiền (mua) và không trả tiền (trao đổi, tặng biếu, quyên góp) Trên thực tế, phương thức bổ sung bằng cách mua được áp dụng nhiều hơn cả, vì phương thức này cho phép thư viện được chủ động trong việc lên kế hoạch lựa chọn những tài liệu mong muốn. Tuy nhiên, trong điều kiện nguồn ngân sách hạn hẹp, kinh phí để các thư viện bổ sung những nguồn tài liệu chất lượng là vô cùng hạn chế. Bên cạnh đó là sự bùng nổ thông tin dẫn đến số lượng tài liệu gia tăng nhanh chóng, gây khó khăn trong công tác bổ sung. Trong bối cảnh đó, sự hình thành và phát triển của học liệu mở có thể “mở” ra một hướng đi mới trong công tác phát triển vốn tài liệu. Các thư viện cần xác định rằng đây cũng là một “kênh” quan trọng để làm gia tăng vốn tư liệu của mình. Việc thư viện tham gia phát triển học liệu mở, dù dưới hình thức trực tiếp hay gián tiếp cũng góp phần xây dựng thêm một kho tài liệu phong phú, phục vụ đắc lực cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Quan trọng hơn, tinh thần chung của học liệu mở là “miễn phí”, do vậy gánh nặng về kinh phí bổ sung của các cơ quan thông tin-thư viện có thể được giải quyết một phần thông qua việc tích cực tham gia vào quá trình phát triển học liệu mở.

- Đề xuất, tham mưu cho lãnh đạo nhà trường về việc xây dựng nguồn học liệu mở

Với vai trò là đầu mối quản lý các nguồn thông tin, tài liệu trong trường đại học, các thư viện đại học cần nắm bắt xu thế và chủ động lập kế hoạch phát triển học liệu mở, trên cơ sở đó tiến hành đề xuất, tham mưu cho lãnh đạo nhà trường về những cơ chế, chính sách, biện pháp xây dựng nguồn học liệu mở. Thư viện cũng

cần chỉ rõ những tác dụng của học liệu mở đem lại cho nhà trường, ví dụ khi các trường đại học xây dựng được nguồn tài nguyên giáo dục mở cùng với việc tổ chức các khoá học, tài liệu có chất lượng được đăng tải trực tuyến thì nhà

trường có thể thu hút sinh viên nhiều hơn, quảng bá thương hiệu, danh tiếng và nâng cao vị thế, tầm ảnh hưởng của mình trong cộng đồng.

- Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm tăng cường sự hiểu biết về tài nguyên giáo dục mở

Thư viện cần tăng cường công tác thông tin, truyền thông nhằm giới thiệu ý nghĩa, vai trò, tác dụng của tài nguyên giáo dục mở cho các đối tượng người dùng tin của mình trong trường đại học. Cụ thể ở đây là cán bộ nghiên cứu, giảng viên và sinh viên cần nắm bắt và hiểu rõ được tầm quan trọng, lợi ích của việc tham gia phát triển và sử dụng tài nguyên giáo dục mở, từ đó tạo ra một cộng đồng cùng chung tay xây dựng và duy trì học liệu mở. Trong bối cảnh hiện nay, việc chia sẻ tài liệu nói chung là vấn đề gặp nhiều rào cản lớn. Nhiều giảng viên, các nhà nghiên cứu chưa có tâm lý chia sẻ cho cộng đồng những tài liệu mình sở hữu. Thói quen “giữ cho riêng mình” và chỉ dùng của người khác sẽ khiến cho quá trình thúc đẩy phát triển tài nguyên giáo dục mở gặp nhiều khó khăn. Đây là lối tư duy theo kiểu “không cho, chỉ nhận”.

Cần nhận thức rằng đối với tài nguyên giáo dục mở, việc chia sẻ không có nghĩa là phải cung cấp toàn bộ nội dung một tài liệu. Các công cụ phần mềm được sử dụng trong tài nguyên giáo dục mở cho phép mỗi người đều có thể đóng góp tri thức của mình, cho dù chỉ ở dạng vài ba trang giấy viết về một chủ đề bất kỳ.

5. KẾT LUẬN

Tóm lại, tài nguyên giáo dục mở đã và đang là xu thế tất yếu

trong công tác giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng, bởi tài nguyên giáo dục mở đã giúp thúc đẩy và phát triển hoạt động giáo dục trên phạm vi toàn thế giới. Điều này càng có ý nghĩa hơn đối với các nước đang phát triển, nơi nhiều người học không có điều kiện sở hữu tài liệu, ít có điều kiện được tới trường hoặc còn thiếu các chương trình đào tạo. Tài nguyên giáo dục mở đã góp phần làm giảm chi phí, cho phép người có nhu cầu học tập được tiếp cận các kho học liệu một cách tự do, miễn phí. Với nhận thức đó, các thư viện đại học cần chủ động đồng hành cùng tài nguyên giáo dục mở, tích cực tham gia trong quá trình xây dựng, duy trì và phát triển tài nguyên giáo dục mở nhằm góp phần đem lại cơ hội học tập cho cộng đồng, đáp ứng nhu cầu học liệu của ngày càng tăng của người dùng hướng tới một xã hội học tập, xã hội thông tin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dự án xây dựng và quản trị học liệu số tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (2016)
- [2] Thư viện Học liệu mở Việt Nam (VOER) (2016). Học liệu mở và các khái niệm cơ bản. *VOER*. Truy cập từ: <http://voer.edu.vn/m/hoc-lieu-mo-va-cac-khai-niem-co-ban>
- [3] UNESCO. (2015). Chỉ dẫn về Tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học “Guidelines for Open Educational Resource (OER) in higher education”.
- [4] UNESCO. (2015). What are Open Educational Resources (OERs). <http://www.unesco.org/new/en/communication-and-information/access-to-knowledge/open-educational-resources/what-are-open-educational-resources-oers>
- [5] Wiley, David (2016). On the Sustainability of Open Educational Resource Initiatives in Higher Education.